

Bản án số: **130/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 – 7 - 2023

*“Xin ly hôn và
nuôi con chung”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KL - TỈNH KG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuỷ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Ngọc Bích**

2. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thảo** là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh KG.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện KL, tỉnh KG tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Tạ Thanh Đ**, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 07, ấp kênh 9, xã KB, huyện KL, tỉnh KG.

Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị M** – sinh năm: 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 07, ấp Kiên Thanh, xã KB, huyện KL, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Tạ Thanh Đ trình bày:

Anh với chị Huỳnh Thị M chung sống với nhau từ năm 2011 không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống khoảng 05 năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách sống vợ bỏ đi làm ăn xa từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, nay anh thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với Huỳnh Thị M.

Về con chung: anh với chị M có 01 người con Tạ Trương MĐ, sinh ngày 04/10/2011, ly hôn con có nguyện vọng được sống với cha nên anh sẽ chăm sóc nuôi dưỡng con chung là MĐ đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Huỳnh Thị M trình bày: chị với anh Tạ Thanh Đ chung sống với nhau từ năm 2011 không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân như anh Đ trình bày là đúng, anh chị chung sống được khoảng 05 năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau sống ly thân thời gian dài không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, nay anh Đ yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị với anh Đ có 01 người con Tạ Trương MĐ, sinh ngày 04/10/2011, ly hôn con có nguyện vọng được sống với cha nên chị đồng ý cho anh Đ được quyền chăm sóc nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, anh Tạ Thanh Đ yêu cầu xin ly hôn với chị Huỳnh Thị M, chị M có địa chỉ cư trú tại huyện KL, tỉnh KG, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ kiện về xin ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện KL.

[3] Về quan hệ hôn nhân, giữa anh Đ và chị M chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay chưa đăng ký kết hôn, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị M vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa anh Đ có yêu cầu được ly hôn với chị M, trong khi chị M cũng đồng ý, nhưng do quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị M đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không có giá trị

pháp lý. Do đó không công nhận quan hệ giữa anh Đ và chị M là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: giữa anh Đ và chị M có với nhau 01 người con tên Tạ Trương MĐ, sinh ngày 04/10/2011, ly hôn anh Đ và chị M thỏa thuận anh Đ được quyền chăm sóc nuôi dưỡng con chung MĐ đến tuổi trưởng thành, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu MĐ. Chị M không cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 144, 146 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tạ Thanh Đ và chị Huỳnh Thị M.

Về con chung: Giao con chung tên Tạ Trương MĐ, sinh ngày 04/10/2011 cho anh Tạ Thanh Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị M không cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có không xem xét.

2. Án phí HNGĐ-ST là 300.000đ, anh Đ yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí, được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007009 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KL, tỉnh KG (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/7/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện KL;
- Chi cục THADS huyện KL;
- Đường sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thuỷ